

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	151.114.615.277	151.114.615.277
Cộng	<u>170.371.179.647</u>	<u>171.026.322.450</u>

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>18.063.521.878</i>	<i>13.353.926.669</i>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	-	-
Công ty Cổ phần thủy điện Sông Đà 3 – Đak Lô	17.978.521.878	13.268.926.669
Xí nghiệp Sông Đà 2.08 - Công ty Cổ phần Sông Đà 2	85.000.000	85.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>2.648.297.159</i>	<i>1.141.122.160</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Minh Tân	377.861.000	377.861.000
Các khách hàng khác	2.270.436.159	763.261.160
Cộng	<u>20.711.819.037</u>	<u>14.495.048.829</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	626.089.623	1.688.104.637	1.688.104.637	-	626.089.623
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.900	-	-	64.000.000	-	63.900.100
Thuế thu nhập cá nhân	1.757.212.327	-	82.148.061	93.434.031	1.745.926.357	-
Tiền sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế môn bài	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	163.700.180	-	16.295.200	16.295.200	163.700.180	-
Cộng	<u>1.921.012.407</u>	<u>626.089.623</u>	<u>1.786.547.898</u>	<u>1.861.833.868</u>	<u>1.909.626.537</u>	<u>689.989.723</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(26.657.020.491)	(27.468.053.641)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	234.566.227
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	(27.233.487.414)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	(26.657.020.491)	(27.233.487.414)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	98.988.850.985	83.483.765.050
Chi phí lãi vay phải trả ⁽ⁱ⁾	85.545.528.512	64.184.730.178
Chi phí trích trước phải trả nhà thầu phụ về chi phí xây dựng	11.504.876.170	17.360.588.569
Các khoản chi phí trích trước khác	1.938.446.303	1.938.446.303
Cộng	98.988.850.985	83.483.765.050

⁽ⁱ⁾ Lãi vay được xác định theo lãi suất tiền vay trong hạn, chưa dự phòng lãi vay quá hạn phải trả. Công ty đang đàm phán với các Ngân hàng thương mại để được giảm lãi vay trong hạn và không tính lãi vay quá hạn nên không dự phòng lãi vay quá hạn phải trả.

18. Phải trả ngắn hạn khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	100.437.530	100.437.530
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	-	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đak Lô	100.437.530	100.437.530
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	37.918.259.199	36.434.628.763
Kinh phí công đoàn	1.015.158.209	1.011.404.264
Bảo hiểm xã hội	3.122.226.442	2.310.108.389
Bảo hiểm y tế	2.267.480.299	2.121.989.523
Bảo hiểm thất nghiệp	1.277.277.848	1.212.615.281

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	8.131.876.402	8.131.876.402
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	4.402.760.111	5.054.200.807
Tạm nhập vật tư, phụ tùng	5.796.917.379	5.196.251.348
Phải trả các đội về lương	9.879.093.428	7.772.743.179
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.025.469.081	3.623.439.570
Cộng	<u>38.018.696.729</u>	<u>36.535.066.293</u>

18b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>20.682.908.171</i>	<i>22.928.779.333</i>
Cổ tức phải trả	8.131.876.402	8.131.876.402
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	4.402.760.111	5.054.200.807
Tạm nhập vật tư, phụ tùng	1.938.253.870	1.938.253.870
Phải trả các đội về lương	9.879.093.428	7.772.743.179
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	31.705.075	31.705.075
Cộng	<u>24.383.688.886</u>	<u>22.928.779.333</u>

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>505.207.019.636</i>	<i>2.600.000.000</i>	<i>515.207.019.636</i>	<i>2.600.000.000</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	487.028.942.908	-	497.028.942.908	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱ⁾</i>	<i>487.028.942.908</i>	<i>-</i>	<i>497.028.942.908</i>	<i>-</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Vay ngắn hạn tổ chức khác	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
<i>Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Linh ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>2.600.000.000</i>	<i>2.600.000.000</i>	<i>2.600.000.000</i>	<i>2.600.000.000</i>
Vay dài hạn đến hạn trả ⁽ⁱⁱⁱ⁾	15.578.076.728	-	15.578.076.728	-
Cộng	<u>505.207.019.636</u>	<u>2.600.000.000</u>	<u>515.207.019.636</u>	<u>2.600.000.000</u>

(i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/369556/HĐTDHM năm 2017 thay thế hợp đồng số 05/MHĐCTD ngày 11/5/2016. Hạn mức tín dụng là 600.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, trong đó hạn mức vay vốn ngắn hạn là 500.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo tiền vay là: thế chấp, cầm cố tài sản của bên vay; bảo lãnh của bên thứ ba; toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND hoặc ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác; tín chấp.

(ii) Khoản vay Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Linh theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV-CT-SĐ3 ngày 16/3/2017. Số tiền vay là 2.600.000.000 VND. Mục đích vay là để giải

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

quyết vấn đề tiền lương, tiền ăn cho công nhân đang thi công trên các công trường do Công ty đang gặp khó khăn về tiền vốn lưu động. Thời hạn cho vay theo thỏa thuận 02 bên, Công ty cam kết trả lại khoản vay cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hà Linh trong thời gian sớm nhất có thể sau khi giải quyết được vấn đề khó khăn về vốn lưu động. Lãi suất cho vay là 0%.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 01/2013/369556/HĐTD ngày 04/12/2013. Số tiền vay là 27.440.000.000 VND. Mục đích vay là đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị xe máy năm 2011. Thời hạn vay là 48 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản được hình thành trong tương lai phù hợp với quy định của BIDV, việc thế chấp, cầm cố hay hình thức bảo đảm khác được lập thành hợp đồng riêng. Số gốc vay còn phải trả tại 31/12/2018 là 4.839.076.728 VND.
- Hợp đồng số 01/2014/369556/HĐTD ngày 27/6/2014. Số tiền vay là 39.500.000.000 VND. Mục đích vay là đầu tư dự án nâng cao năng lực xe máy thiết bị năm 2014. Thời gian vay là 48 tháng, kể từ ngày 27/6/2014 đến ngày 27/6/2018. Thời hạn rút vốn là 365 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Lãi suất trong hạn được điều chỉnh theo quy định của BIDV trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là 120% lãi suất trong hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay không phân biệt nguồn vốn đầu tư dự án "Đầu tư dự án nâng cao năng lực xe máy thiết bị năm 2014". Số gốc vay còn phải trả tại 31/12/2018 là 10.739.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	497.028.942.908	-	(10.000.000.000)	487.028.942.908
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	2.600.000.000	-	-	2.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	15.578.076.728	-	-	15.578.076.728
Cộng	515.207.019.636	-	(10.000.000.000)	505.207.019.636

19b. Vay quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Các đơn vị và cá nhân khác</i>	590.752.548.148	579.391.749.814
Vay ngân hàng	588.152.548.148	576.791.749.814
Gốc	502.607.019.636	512.607.019.636
Lãi	85.545.528.512	64.184.730.178
Vay tổ chức khác	2.600.000.000	2.600.000.000
Gốc	2.600.000.000	2.600.000.000
Lãi	-	-
Cộng	590.752.548.148	579.391.749.814

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.558.113.041	1.599.113.041

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	-
Chi quỹ	(146.000.000)	(22.500.000)
Số cuối năm	<u>1.412.113.041</u>	<u>1.576.613.041</u>
21. Vốn chủ sở hữu		
21a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	81.596.715.600	81.596.715.600
Các cổ đông khác	78.396.844.400	78.396.844.400
Cộng	<u>159.993.560.000</u>	<u>159.993.560.000</u>
21b. Cổ phiếu		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.999.356	15.999.356
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.999.356	15.999.356
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.999.356	15.999.356

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây dựng và phục vụ xây lắp	19.523.193.839	34.538.093.853
Doanh thu khác	-	4.408.569.204
Cộng	<u>19.523.193.839</u>	<u>38.946.663.057</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ công ty con được trình bày tại thuyết minh số V.11, Công ty còn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	1.177.348.238
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 1		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.936.878.413	-
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<i>phố Hà Nội)</i>		
Doanh thu cung cấp vật tư, vữa bê tông	-	-
Doanh thu cho thuê xe, máy móc thiết bị	84.700.000	267.354.839
Chi nhánh Sông Đà 6.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6		
Doanh thu cung cấp vật tư, vữa bê tông	-	477.351.054
Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Doanh thu cung cấp vật tư, vữa bê tông	-	-
Chi nhánh Sông Đà 9.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Doanh thu hợp đồng xây dựng và phục vụ xây lắp	-	628.280.572
Doanh thu cho thuê xe, máy móc thiết bị	-	-
Chi nhánh Sông Đà 9.08 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9		
Doanh thu cung cấp vật tư, vữa bê tông	-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn hợp đồng xây dựng và phục vụ xây lắp	18.982.020.430	38.621.403.172
Giá vốn khác	-	2.535.632.908
Cộng	18.982.020.430	41.157.036.080
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	52.446.374	1.550.245
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-
Cộng	52.446.374	1.550.245
5. Chi phí tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	21.360.798.334	17.853.620.839
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-
Cộng	21.360.798.334	17.853.620.839
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.246.718.545	4.467.756.714

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	501.807.318	483.989.317
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	106.792.685	155.888.782
Chi phí khấu hao tài sản cố định	456.563.834	547.094.149
Thuế, phí và lệ phí	37.972.082	22.689.314
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.187.423.950	873.686.309
Các chi phí khác	400.860.553	330.241.742
Cộng	<u>5.541.282.636</u>	<u>6.881.346.327</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Thu nhập khác	-	100.000.000
Cộng	<u>-</u>	<u>100.000.000</u>
8. Chi phí khác		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Các khoản bị phạt, bị truy thu	-	-
Chi phí khác	348.559.304	624.263.697
Cộng	<u>348.559.304</u>	<u>624.263.697</u>
9. Lãi trên cổ phiếu		
Lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà – CTCP (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty)	Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đak Lô	Công ty con, Công ty sở hữu 98,97% vốn điều lệ
Ban điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Văn phòng Đại diện Tổng Công ty - Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Bản Vẽ	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Hòa Na	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Ban điều hành gói thầu số 4	Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Công ty con của Tổng Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.12 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP		
Mua sắm Tài sản cố định	-	-
Chi phí tiền điện, tiền thuê nhà và phí bảo lãnh	1.451.064	109.901.082
Bù trừ công nợ	-	-
Ban điều hành dự án thủy điện Xê ca mản 1		
Chi phí trích nộp ban điều hành, phí bảo lãnh hợp	-	26.458.053

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
đồng		
Chi phí thi công công trình	537.159.529	-
Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	51.247.810	-
Bù trừ công nợ	-	1.429.624.499
Thu tiền thanh toán khối lượng thi công	-	-
<i>Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5</i>		
Chuyển tiền vốn lưu động		-
Giá trị trích nộp, tiền phụ phí công trình		335.249.841
Bù trừ công nợ	1.483.719.449	1.100.000.000
Thu tiền thanh toán khối lượng thi công	23.400.000.000	7.790.000.000
Chi lương và các chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Phải thu phụ phí công trình	-	-
<i>Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La</i>		
Bù trừ công nợ	-	-
Thu tiền thanh toán khối lượng thi công	250.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 4</i>		
Chi phí mua vật tư, ca máy, sửa chữa thiết bị	-	6.494.800
Bù trừ công nợ	-	-
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Thành phố Hà Nội)</i>		
Bù trừ công nợ	591.068.000	-
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 6</i>		
Chi phí mua vật tư, ca máy	-	586.093.630
<i>Chi nhánh Sông Đà 6.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6</i>		
Mua vật tư	-	586.093.630
Bù trừ công nợ	-	246.027.505
<i>Chi nhánh Sông Đà 9.01 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i>		
Chi phí mua vật tư	-	-
Thu tiền cung cấp vật tư	-	80.000.000
Bù trừ công nợ	655.142.803	-
<i>Chi nhánh Sông Đà 9.03 - Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i>		
Chi phí bảo hộ lao động	-	-
Thu tiền cung cấp vật tư	-	789.108.629
Bù trừ công nợ	-	202.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến</i>		
Phải trả tiền tạm ứng thi công	-	10.195.138.730
Thanh toán tiền	-	2.000.000.000
Bù trừ công nợ	-	-

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là xây dựng các công trình thủy điện, hạ tầng kỹ thuật ... và trong khu vực địa lý chính là lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

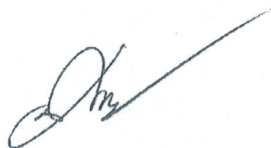
Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn thế chấp quyền thu nợ từ các khoản phải thu có giá trị là 41.098.000.000 VND.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Gia Lai, ngày 20 tháng 7 năm 2019



Phạm Hồng Trung
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hình
Kế toán trưởng



Vũ Dũng
Tổng Giám đốc